

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 31 – 01 – 2024

V/v tranh chấp về hôn nhân và
gia đình ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Liệt;

2. Ông Lê Văn Dài.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Văn Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa:** Ông Võ Hồng Nhân - Kiểm sát viên

Trong các ngày 15, 31 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 335/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 166/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Võ Thị Thúy N, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Số B, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- **Bị đơn:** Anh Võ Bích L, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số F, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Võ Thị Thúy N có mặt tại phiên tòa; anh Võ Bích L vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Nguyên đơn chị Võ Thị Thúy N trình bày:**

Về hôn nhân: Chị Võ Thị Thúy N và anh Võ Bích L tự nguyện tìm hiểu nhau hơn 01 năm, được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào cuối năm 2020, có đăng ký kết hôn vào ngày 18/8/2020 tại UBND xã T. Sau khi cưới thì chị N

và anh L về chung sống với cha mẹ anh L tại số nhà F, ấp T, xã T, huyện T. Trong quá trình chung sống thì chị N và mẹ chồng, các chị chồng có mâu thuẫn với nhau, do mẹ chồng và các chị chồng nói xấu chị N với bên ngoài nhiều lần. Anh L không có bên vực, giải quyết cho chị N. Chị N và anh L thường xuyên cãi vã với nhau về các vấn đề trong cuộc sống gia đình và tiền bạc, có nhiều lần chị N và anh L xô xát đánh nhau nhưng không gây thương tích nặng. Gia đình chị N có khuyến bảo, chị N cũng có thông cảm; anh chị có ly thân 01 lần khoảng 4 – 5 tháng, sau đó đoàn tụ được khoảng 3 – 4 tháng nhưng chị N và anh L vẫn xảy ra mâu thuẫn với nhau. Đến tháng 8/2023, do chị N và anh L lại cãi vã nhau, chị N thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh L đã trầm trọng, không thể hàn gắn được nên chị N nói cho anh L và gia đình chồng biết là chị N về nhà cha mẹ chị N tại số nhà B, ấp T, xã T, huyện T sinh sống. Từ tháng 8/2023 đến nay thì chị N và anh L sống ly thân, trong thời gian ly thân anh L có tìm chị N để hàn gắn, nhưng chị N không còn tình cảm với anh L nên chị N không đồng ý hàn gắn với anh L. Nay chị Võ Thị Thúy N yêu cầu ly hôn với anh Võ Bích L.

Về con chung: Chị Võ Thị Thúy N và anh Võ Bích L không có con chung, nên chị Võ Thị Thúy N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Võ Bích L trình bày:* Anh L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ hòa hòa giải 02 lần, thông báo về việc yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, nhưng anh L vắng mặt không có lý do, không cung cấp văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị N, cũng không tham dự phiên họp – hòa giải 02 lần và phiên tòa 02 lần nên Tòa án không thu thập được lời khai, ý kiến của anh L đối với yêu cầu khởi kiện của chị N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- *Ý kiến về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Thúy N. Về hôn nhân chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh L. Về con chung: Không có, nên không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu, nên không xem xét, giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính);
- Biên bản lấy lời khai chị Võ Thị Thúy N ngày 25/10/2023.
- Văn bản số 01/CAX-HC ngày 14/12/2023 của Công an xã T v/v xác minh nơi cư trú anh Võ Bích L (Bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Theo yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Thúy N và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Bị đơn anh Võ Bích L cư trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Bị đơn anh Võ Bích L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có cung cấp ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn; đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ, nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Võ Thị Thúy N yêu cầu ly hôn với anh Võ Bích L.

Xét thấy, chị N và anh Bích L sống chung với nhau vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 18/8/2020, là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Trong quá trình chung sống, chị N và anh Bích L phát sinh mâu thuẫn mà không tự giải quyết với nhau được. Chị N xác định do có mâu thuẫn với gia đình chồng, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn về tiền bạc, có đánh nhau với anh L mà chị N và anh L đã sống ly thân 01 lần, sau đó hàn gắn được nhưng vẫn tiếp tục xảy ra mâu thuẫn như trên nên tiếp tục sống ly thân từ tháng 08/2023 đến nay mà

không có hàn gắn tình cảm với nhau.

Khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”.

Hiện nay chị N xác định không muốn hàn gắn, đoàn tụ với anh L, không còn tình cảm với anh L. Anh L đã được Tòa án thông báo về phiên họp – hòa giải 02 lần để tạo điều kiện cho anh chị hòa giải đoàn tụ, nhưng anh L không đến, cho thấy anh L không muốn hàn gắn, đoàn tụ với chị N. Như vậy, có cơ sở xác định hôn nhân giữa chị N và anh Bích L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

Do đó, chị Võ Thị Thúy N yêu cầu ly hôn với anh Võ Bích L là phù hợp theo quy định tại Điều 51, Điều 53 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị N xác định trong thời gian chung sống thì chị N và anh L không có con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết về con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N xác định tự thỏa thuận với anh L về tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh L không có trình bày ý kiến, yêu cầu về tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử do đó được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Võ Thị Thúy N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; anh Võ Bích L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Thúy N.

1. Về hôn nhân: Chị Võ Thị Thúy N được ly hôn với anh Võ Bích L.

2. Về con chung: Chị Võ Thị Thúy N và anh Võ Bích L không có con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Võ Thị Thúy N và anh Võ Bích L không có yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Võ Thị Thúy N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0002241 ngày 28/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình. Như vậy, chị N đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Võ Bích L không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 31/01/2024). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9, 9a Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã Tân Long (Đăng ký kết hôn số 43, ngày 18/8/2020);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Thùy Trang

